Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3202.90.00

Mã HS	3202.90.00
Mô tả hàng hóa	Chất thuộc da hữu cơ tổng hợp; chất thuộc da vô cơ; các chế phẩm thuộc da, có hoặc không chứa chất thuộc da tự nhiên; các chế phẩm chứa enzym dùng cho tiền thuộc da / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 20:26:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/32029000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4792
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4792
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4792
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4675
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4636
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4636
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4636
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4636
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4636
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4636
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4674
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4674

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4674
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4674
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4674
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4674
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4678
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4678
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4678
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4678
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4678
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4678
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4678
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4642
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4638
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4638
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4638
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4638
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4638
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4638
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4638
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4638
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4638
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4638
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4638
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4638
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4685
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4685

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4685
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4685
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4685
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4685
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4682
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4682
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4682
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4682
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4682
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4682
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4690
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4690
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4690
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4690
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4690
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4690
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4661
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4661
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4661
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4661
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4661
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4661
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4663
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4663
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4663
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4663

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4663
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4663
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4661
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4661
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4661
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4661
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4661
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4661
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4661
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4682
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4682
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4682
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4682
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4682
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4682
RCEP B	2022	2022	0	B!D4682
RCEP B	2023	2023	0	B!E4682
RCEP B	2024	2024	0	B!F4682
RCEP B	2025	2025	0	B!G4682
RCEP B	2026	2026	0	B!H4682
RCEP B	2027	2027	0	B!I4682
RCEP C	2022	2022	0	C!D4682
RCEP C	2023	2023	0	C!E4682
RCEP C	2024	2024	0	C!F4682
RCEP C	2025	2025	0	C!G4682
RCEP C	2026	2026	0	C!H4682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4682
RCEP D	2022	2022	0	D!D4682
RCEP D	2023	2023	0	D!E4682
RCEP D	2024	2024	0	D!F4682
RCEP D	2025	2025	0	D!G4682
RCEP D	2026	2026	0	D!H4682
RCEP D	2027	2027	0	D!I4682
RCEP E	2022	2022	0	E!D4685
RCEP E	2023	2023	0	E!E4685
RCEP E	2024	2024	0	E!F4685
RCEP E	2025	2025	0	E!G4685
RCEP E	2026	2026	0	E!H4685
RCEP E	2027	2027	0	E!I4685
RCEP F	2022	2022	0	F!D4682
RCEP F	2023	2023	0	F!E4682
RCEP F	2024	2024	0	F!F4682
RCEP F	2025	2025	0	F!G4682
RCEP F	2026	2026	0	F!H4682
RCEP F	2027	2027	0	F!I4682
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4317
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4317
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4317
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4317

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3202.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3202.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4792), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.